

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn 2016 - 2020
nguồn ngân sách địa phương**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;

Căn cứ Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm, Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 572/QĐ-BKHĐT ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1178/QĐ-BKHĐT ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn trái phiếu Chính phủ) giai đoạn 2016-2020 (đợt 2);

Căn cứ Nghị quyết số 07/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về ban hành quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020;

Xét Tờ trình số 104/TTr-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 61/BC-HĐND-KTNS ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn 2016 - 2020 nguồn ngân sách địa phương với các nội dung như sau

1. Nguyên tắc, tiêu chí và thứ tự ưu tiên bố trí vốn

- Tuân thủ Nghị quyết số 26/2016/QH14 ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm, Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 và Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về ban hành, sửa đổi việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;

- Tập trung cho các dự án đã có trong danh mục đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đang thực hiện dở dang, còn thiếu vốn nhằm đáp ứng tiến độ đầu tư, hoàn thành dứt điểm, đưa vào sử dụng;

- Tập trung đầu tư cho các dự án chỉnh trang đô thị thành phố Đồng Xoài và 2 huyện công nghiệp: Chơn Thành, Đồng Phú theo Nghị quyết của Tỉnh ủy;

- Ưu tiên bố trí vốn để xây dựng nông thôn mới và làm đường giao thông nông thôn theo Nghị quyết của Tỉnh ủy;

- Bố trí vốn cho các dự án cấp bách, các nhu cầu mới phát sinh đã có ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Nguồn vốn điều chỉnh

Tổng kế hoạch vốn điều chỉnh trung hạn 2016 - 2020 nguồn ngân sách địa phương là 10.249 tỷ 560 triệu đồng, tăng 1.844 tỷ 500 triệu đồng so với kế hoạch vốn trung hạn theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh, bao gồm:

a) Điều chỉnh tăng thu tiền sử dụng đất từ 2.700 tỷ đồng lên 5.000 tỷ đồng, tăng 2.300 tỷ đồng, trong đó:

- Tiền sử dụng đất khối tỉnh điều chỉnh từ 1.630 tỷ đồng lên 2.000 tỷ đồng, tăng 370 tỷ đồng;

- Tiền sử dụng đất khối huyện, thị xã, thành phố từ 1.070 tỷ đồng lên 3.000 tỷ đồng, tăng 1.930 tỷ đồng.

b) Tăng tiền thuê đất thanh toán dự án BT đường Minh Hưng - Đồng Nơ: 194 tỷ đồng;

c) Giảm nguồn vay chương trình kiên cố hóa kênh mương và giao thông nông thôn: 559 tỷ 500 triệu đồng, do trung ương kết thúc chương trình không còn cho vay;

d) Giảm nguồn hỗ trợ của tỉnh Bình Dương cho dự án Trường trung học phổ thông Đồng Phú: 90 tỷ đồng, do đến nay chưa hỗ trợ.

3. Phương án phân bổ

Tổng vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương phân bổ cho kế hoạch trung hạn 2016 - 2020 của tỉnh là: 10.249 tỷ 560 triệu đồng.

Bao gồm:

a) Trả nợ: 680 tỷ 150 triệu đồng.

Trong đó:

- Trả nợ xây dựng cơ bản: 53 tỷ 200 triệu đồng;

- Trả nợ vay tín dụng ưu đãi 2011 - 2015: 406 tỷ 950 triệu đồng;

- Hoàn trả nguồn cải cách tiền lương: 220 tỷ đồng.
- b) Vốn phân cấp huyện, thị xã, thành phố: 4.196 tỷ đồng.
- Bao gồm:
 - Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức: 1.196 tỷ đồng;
 - Tiền sử dụng đất khối huyện, thị xã, thành phố: 3.000 tỷ đồng.
- Trong đó, đầu tư xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30% là: 900 tỷ đồng.
- c) Dự án chuyển tiếp: 888 tỷ 660 triệu đồng;
- d) Dự án khởi công mới: 4.474 tỷ 750 triệu đồng.
- e) Vốn lập quy hoạch tỉnh theo quy định của Luật Quy hoạch: 10 tỷ đồng.

4. Tổng nguồn vốn kế hoạch điều chỉnh cho xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 là: 1.837 tỷ 600 triệu đồng

Trong đó:

- Nguồn ngân sách Trung ương: 386 tỷ 600 triệu đồng;
- Nguồn ngân sách tỉnh: 551 tỷ đồng;
- Nguồn ngân sách huyện, thị, thành phố: 900 tỷ đồng.

(Kèm theo biểu số 1, biểu số 2 và biểu số 3).

Điều 2. Những nội dung không điều chỉnh thực hiện theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020.

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa IX, kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng QH, Văn phòng CP;
- Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TTTU, TTHĐND, Đoàn ĐBQH, UBND, BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- LĐVP, Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Trần Tuệ Hiền



Biểu số 1

AN KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020
(Kèm theo Nghị quyết số *B* /NQ-HĐND ngày *12* tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (theo Nghị quyết số 29 của HĐND tỉnh)			Kế hoạch điều chỉnh			Chênh lệch	
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tăng	Giảm
			Phân bổ chi tiết	Dự phòng		Phân bổ chi tiết	Dự phòng		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Tổng số	8.405.060	8.026.160	378.900	10.249.560	10.249.560	-	2.494.000	649.500
I	Nguồn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương	8.232.060	7.853.160	378.900	10.166.560	10.166.560	-	2.494.000	559.500
1	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức quy định tại Quyết định 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ	2.652.000	2.519.800	132.200	2.652.000	2.652.000			
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	2.700.000	2.565.000	135.000	5.000.000	5.000.000		2.300.000	
3	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	2.237.000	2.125.300	111.700	2.237.000	2.237.000			
4	Vay kiên cố hóa kênh mương, GTNT	559.500	559.500				-		559.500
5	Vượt thu 2015 chuyển sang	83.560	83.560		83.560	83.560			
6	Tiền thuê đất thanh toán dự án BT đường Minh Hưng-Đồng Nơ				194.000	194.000		194.000	
II	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh và doanh nghiệp	173.000	173.000		83.000	83.000			90.000



Biểu số 2
KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020
(Kèm theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đanh mục dự án	Quyết định đầu tư/xây dựng đầu tư/Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QP đầu tư điều chỉnh	Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (theo Nghị quyết số 29 của HĐND tỉnh)							Kế hoạch điều chỉnh						Chú đầu tư		
			Tổng mức đầu tư	TỔNG SỐ	Trong đó					TỔNG SỐ	Trong đó							
					Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	Tiền thu sử dụng đất	Xã số kiến thiết	Vay liên có hạn bằng nguồn, GNTT	Vượt thu 2015 chuyển sang		Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh, Bình Dương và doanh nghiệp	Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	Tiền sử dụng đất	Xã số kiến thiết	Vượt thu 2015 chuyển sang		Tiền thuê đất	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh và doanh nghiệp
TỔNG SỐ				8.405.060	2.652.000	2.700.000	2.237.000	559.500	83.560	173.000	10.249.560	2.652.000	5.000.000	2.237.000	83.560	194.000	83.000	
DỰ PHÒNG				378.900	132.200	135.000	111.700				10.249.560	2.652.000	5.000.000	2.237.000	83.560	194.000	83.000	
PHÂN BỐ CHI TIẾT				8.026.160	2.519.800	2.565.000	2.125.300	559.500	83.560	173.000	680.150	626.950	-	53.200	-	-	-	
A TRẢ NỢ				959.900	906.700	-	53.200	-	-	-	53.200	-	-	53.200	-	-	-	
I Trả nợ XDCB				53.200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
II Trả nợ vay tín dụng ưu đãi				906.700	906.700	-	-	-	-	-	406.950	406.950	-	-	-	-	-	
1 Trả nợ vay tín dụng ưu đãi 2011-2015				406.950	406.950	-	-	-	-	-	406.950	406.950	-	-	-	-	-	
2 Trả nợ vay tín dụng ưu đãi 2016-2020				279.750	279.750	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
III Hoàn trả nguồn cải cách tiền lương				220.000	220.000	-	-	-	-	-	220.000	220.000	-	-	-	-	-	
B VỐN PHÂN CẤP HUYỆN, THỊ				2.266.000	1.196.000	1.070.000	-	-	-	-	4.196.000	1.196.000	3.000.000	-	-	-	-	
1 Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức				1.196.000	1.196.000	-	-	-	-	-	1.196.000	1.196.000	-	-	-	-	-	
2 Tiền sử dụng đất khối huyện, thị				1.070.000	-	1.070.000	-	-	-	-	3.000.000	-	3.000.000	-	-	-	-	
Trong đó đầu tư xây dựng NTM tối thiểu 30%				-	-	-	-	-	-	900.000	-	900.000	-	-	-	-	-	
C DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP			2.656.264	666.010	110.550	10.000	505.960	39.500	-	-	888.660	130.200	78.500	485.960	-	194.000	-	
I Đối ứng dự án PPP											194.000	-	-	-	-	194.000	-	Sở Tài chính ghi thu-ghi chi
Thanh toán dự án BT đường Minh Hưng - Đồng Nơ											194.000	-	-	-	-	194.000	-	
II Đối ứng các dự án ODA			688.109	38.556	-	-	38.556	-	-	-	38.556	-	-	38.556	-	-	-	Công ty cổ phần cấp thoát nước
1 Dự án mở rộng hệ thống cấp nước Thị xã Đồng Xoài công suất 20000 m3/ngày đêm			2204/QĐ-UBND ngày 06/10/2011	323.934	19.710	-	19.710	-	-	-	19.710	-	-	19.710	-	-	-	Công ty cổ phần cấp thoát nước
2 Dự án mở rộng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải Thị xã Đồng Xoài công suất 10000 m3/ngày đêm			440/QĐ-UBND ngày 02/03/2011, 335/QĐ-UBND ngày 21/2/2014	364.175	18.846	-	18.846	-	-	-	18.846	-	-	18.846	-	-	-	Công ty cổ phần cấp thoát nước
III Nông nghiệp-Nông thôn				65.372	10.850	6.350	-	4.500	-	-	10.850	6.350	-	4.500	-	-	-	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
1 Dự án nâng cấp trại giống cây trồng vật nuôi thành trung tâm giống lâm nghiệp tỉnh Bình Phước (Vốn đối ứng với NSTW)			2358/QĐ-UBND ngày 12/10/2010	43.972	6.350	6.350	-	-	-	-	6.350	6.350	-	-	-	-	-	Vườn QG Bù Gia Mập
2 Đường tuần tra phía Đông Nam, vườn QG Bù Gia Mập thuộc dự án bảo vệ rừng giai đoạn 2012-2015			1731/QĐ-UBND ngày 12/8/2015	21.400	4.500	-	4.500	-	-	-	4.500	-	4.500	-	-	-	-	
IV Công nghiệp				676.725	20.000	20.000	-	-	-	-	20.000	20.000	-	-	-	-	-	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
1 Dự án cấp điện nông thôn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2013-2020 (đối ứng NSTW)			1153/QĐ-UBND ngày 04/6/2014	676.725	20.000	20.000	-	-	-	-	20.000	20.000	-	-	-	-	-	
V Thủy Lợi				92.576	5.000	-	-	5.000	-	-	3.700	-	3.700	-	-	-	-	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
1 Hồ chứa nước Sơn Lợi			3133/QĐ-UBND ngày 6/11/2009	32.830	3.000	-	-	3.000	-	-	1.700	-	1.700	-	-	-	-	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
2 Hệ thống kênh nội đồng thuộc công trình hồ chứa nước Đồng Xoài			1888/QĐ-UBND ngày 13/8/2010	59.746	2.000	-	-	2.000	-	-	2.000	-	2.000	-	-	-	-	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
VI Y tế				155.218	67.184	-	-	67.184	-	-	67.184	-	-	67.184	-	-	-	UBND huyện Bù Gia Mập
1 Mua sắm trang thiết bị y tế Bệnh viện đa khoa Bù Gia Mập (ngân sách tỉnh đối ứng)			2277/QĐ-UBND ngày 24/10/2014	15.693	6.184	-	-	6.184	-	-	6.184	-	-	6.184	-	-	-	UBND huyện Bù Gia Mập
2 Trung tâm y tế huyện Bù Gia Mập (Đối ứng NSTW)			637/QĐ-UBND 24/4/2013	8.237	3.000	-	-	3.000	-	-	3.000	-	-	3.000	-	-	-	UBND huyện Bù Gia Mập

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (theo Nghị quyết số 29 của HĐND tỉnh)							Kế hoạch điều chỉnh						Chủ đầu tư	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	TỔNG SỐ	Trong đó					TỔNG SỐ	Trong đó							
					Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	Tiền thu sử dụng đất	Xã số kiến thiết	Vay vốn có bảo lãnh nước ngoài, GINT	Vượt thu 2015 chuyển sang		Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh, Bình Dương và doanh nghiệp	Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	Tiền sử dụng đất	Xã số kiến thiết	Vượt thu 2015 chuyển sang	Tiền thuế đất		Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh và doanh nghiệp
3	Bệnh viện Đa khoa Bù Gia Mập (giai đoạn 2)	3743/QĐ-UBND 24/10/2014	13.970	7.000			7.000				7.000			7.000				UBND huyện Bù Gia Mập
4	Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh Bình Phước (NS ứng đối ứng)	2439/QĐ-UBND 10/11/2008	43.911	14.000			14.000				14.000			14.000				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
5	Xây dựng và lắp đặt hệ thống PCCC; cải tạo mái tôn kho được, kho lico, kho cán bộ cao cấp; Sơn tường, chống thấm sẽ nở hành lang cầu nối Bệnh viện đa khoa tỉnh	281/QĐ-UBND 21/2/2013	5.172	2.000			2.000				2.000			2.000				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
6	Bệnh viện đa khoa huyện Hớn Quản	1819/QĐ-UBND 8/10/2013	68.235	35.000			35.000				35.000			35.000				UBND huyện Hớn Quản
VII	Giáo dục - Đào tạo		400.172	232.100	-	-	232.100	-	-	-	232.100	-	-	232.100	-	-	-	
1	Trường mẫu giáo Đức Phong, huyện Bù Đăng	1907/QĐ-UBND 23/10/2014; 648/QĐ-UBND ngày 12/4/2017	20.659	14.400			14.400				14.400			14.400				UBND huyện Bù Đăng
2	Trường mầm non Tân Tiến, huyện Đồng Phú	2937/QĐ-UBND 25/10/2013	25.122	15.000			15.000				15.000			15.000				UBND huyện Đồng Phú
3	Trường mầm non Hòn Lan, xã Tiến Hưng Đồng Xoài	3060/QĐ-UBND 24/10/2014	11.500	5.000			5.000				5.000			5.000				UBND TP Đồng Xoài
4	Trường Mẫu giáo thị trấn Lộc Ninh	2795/QĐ-UBND 11/10/2013	67.318	52.000			52.000				52.000			52.000				UBND huyện Lộc Ninh
5	Trường mầm non Tuổi Thơ, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành	2124/QĐ-UBND 24/10/2014	36.760	28.000			28.000				28.000			28.000				UBND huyện Chơn Thành
6	Trường MN An Khương, xã An Khương huyện Hớn Quản	2201/QĐ-UBND 22/10/2013	14.292	9.000			9.000				9.000			9.000				UBND huyện Hớn Quản
7	Khởi nhà học trường chính trị tỉnh	633/QĐ-UBND 24/4/2013	11.167	1.000			1.000				1.000			1.000				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
8	Trường THPT Phước Bình, thị xã Phước Long	2351/QĐ-UBND 31/10/2011	49.979	20.000			20.000				20.000			20.000				Sở GDĐT
9	10 phòng học lầu Trường THPT Chu Văn An, huyện Chơn Thành	286/QĐ-UBND 25/2/2013	6.651	3.200			3.200				3.200			3.200				Sở GDĐT
10	12 phòng học và hạ tầng kỹ thuật trường THPT Nguyễn Du	1196/QĐ-UBND 06/6/2014,	9.375	5.000			5.000				5.000			5.000				Sở GDĐT
11	Trường THPT Đa Kìa huyện Bù Gia Mập	1465/QĐ-UBND 19/7/2012	33.545	20.000			20.000				20.000			20.000				Sở GDĐT
12	Trường THPT Ngô Quyền, huyện Bù Gia Mập	2270/QĐ-UBND 24/10/2014	45.732	35.000			35.000				35.000			35.000				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (theo Nghị quyết số 29 của HĐND tỉnh)							Kế hoạch điều chỉnh						Chủ đầu tư	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	TỔNG SỐ	Trong đó						TỔNG SỐ	Trong đó						
					Vốn cam đối theo tiêu chí, định mức	Tiền thu từ dụng đất	Xã số liên thiết	Vay liên cơ bản bằng nguồn, GTNT	Vượt thu 2015 chuyển sang	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh, Bình Dương và doanh nghiệp		Vốn cam đối theo tiêu chí, định mức	Tiền từ dụng đất	Xã số liên thiết	Vượt thu 2015 chuyển sang	Tiền thuế đất		Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh và doanh nghiệp
13	Nhà tập đa năng, hệ tầng kỹ thuật và sửa chữa phòng học trường THPT Bù Đăng	2404/QĐ-UBND ngày 31/10/2012	14.277	7.500			7.500				7.500			7.500				Sở GDĐT
14	Trường dân tộc nội trú cấp 2,3 huyện Bù Gia Mập	2133/QĐ-UBND ngày 19/19/2012	53.795	17.000			17.000				17.000			17.000				Sở GDĐT
VIII Văn hóa - Xã hội			323.913	68.200	-	10.000	58.200	-	-	-	68.200	-	10.000	58.200	-	-	-	
1	Tu bổ tạo đi tích mộ tập thể 3000 người tại TX. Bình Long	1200/QĐ-UBND ngày 11/06/2012	35.973	15.500		10.000	5.500				15.500		10.000	5.500				UBND TX Bình Long
2	Bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư phục vụ xây dựng Khu bảo tồn văn hóa dân tộc S'Tiếng sok Bom Bo	1747/QĐ-UBND ngày 27/7/2011	45.294	10.000			10.000				10.000			10.000				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
3	Hệ thống hạ tầng giao thông, hồ chứa và hệ thống cấp nước thuộc khu du lịch và bảo tồn văn hóa dân tộc S'tiếng - Sóc Bom Bo (NS tỉnh đối ứng)	2003/QĐ-UBND ngày 05/9/2011, 2276/QĐ-UBND ngày 18/9/2017	68.852	12.500			12.500				12.500			12.500				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
4	Trung tâm Văn hóa tỉnh	1118/QĐ-UBND ngày 17/5/2010	163.226	22.800			22.800				22.800			22.800				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
5	Hạ tầng kỹ thuật (phần còn lại) Trung tâm chữa bệnh giáo dục lao động xã hội tỉnh Bình Phước (NS tỉnh đối ứng)	2033/QĐ-UBND ngày 30/10/2013	5.568	2.400			2.400				2.400			2.400				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
6	Trung tâm văn hoá thể thao công đoàn tỉnh Bình Phước (vốn đối ứng NS tỉnh)	1813/QĐ-TLĐ ngày 31/10/2013	5.000	5.000			5.000				5.000			5.000				Liên đoàn lao động tỉnh
IX Giao thông - Hạ tầng đô thị			200.495	95.500	-	-	61.000	34.500	-	-	85.800	-	24.800	61.000	-	-	-	
1	Đường trục chính Bắc-Nam (nối dài) thuộc Trung tâm Hành chính huyện Hớn Quản (đối ứng ngân sách TW)	2320/QĐ-UBND ngày 28/10/2014	13.223	12.200			12.200				12.200			12.200				UBND huyện Hớn Quản
2	Hai tuyến đường phục vụ Công viên văn hóa lính (đường Nguyễn Chánh và đường QH số 30)	2706/QĐ-UBND ngày 23/11/2010	41.792	6.800			6.800				6.800			6.800				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
3	Hệ thống thoát nước, vỉa hè trên QL13 đoạn qua khu vực chợ Thanh Lương thị xã Bình Long và đoạn từ chợ Lộc Thái đến cầu Mưa huyện Lộc Ninh	1950/QĐ-UBND ngày 24/10/2013	31.004	26.000			26.000				26.000			26.000				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
4	Làng nhựa đường Đoàn Thị Điểm nối dài thị xã Bình Long	713/QĐ-UBND ngày 30/3/2015	16.701	7.000			7.000				7.000			7.000				UBND TX Bình Long
5	Đường trục chính từ ĐT 741 đến KCN Đồng Xoài III và IV, xã Tiến Hưng, Đồng Xoài	1684/QĐ-UBND ngày 05/9/2014	14.790	9.000			9.000				9.000			9.000				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
6	Đường từ trung tâm xã Tiến Hưng đi cụm 2 nông trường cao su Tân Lợi xã Tiến Hưng, Đồng Xoài	3133/QĐ-UBND ngày 24/10/2014	8.977	500				500			-			-				UBND TP Đồng Xoài

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư hoặc đầu tư hoặc QĐ đầu tư định		Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (theo Nghị quyết số 29 của HĐND tỉnh)										Kế hoạch đầu tư chính										Chức danh tư								
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Vốn đầu tư theo các định mức		Tiền thuê mướn đất		Xã số liên thuộc		Vay liên cơ bản (M&E, CTNT)		Vay ưu đãi 2015		Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh, Bình Dương và doanh nghiệp		TỔNG SỐ		Vốn đầu tư theo các định mức		Tiền thuê mướn đất			Xã số liên thuộc		Vay ưu đãi 2015		Tiền thuê mướn đất		Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh và doanh nghiệp	
7	Làng rau đường liên xã Lạc An đi Lạc Hòa huyện Lạc Ninh	3459/QĐ-UBND ngày 20/10/2014	14.866	7.300	-	-	-	-	-	-	7.300	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	UBND huyện Lạc Ninh
8	02 cầu vượt Km0+789 và Km1+102 đường từ ngã ba Xã Trinch xã Trinch Bình cầu trung tâm xã Phước An huyện Hòa Quan	2142/QĐ-UBND ngày 25/10/2012	22.071	7.300	-	-	-	-	-	-	7.300	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	UBND huyện Hòa Quan	
9	Nhà cấp đường liên xã từ Minh Tân đi An Phúc huyện Hòa Quan	1724/QĐ-UBND ngày 20/02/2014	37.071	19.400	-	-	-	-	-	-	19.400	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	UBND huyện Hòa Quan	
X	Quản lý Nhà nước		43.135	18.920	-	-	-	-	-	-	18.920	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Trung tâm XDĐT TM&E&L	
1	Trụ sở trung tâm xúc tiến thương mại, du lịch và đầu tư	1952/QĐ-UBND 24/10/2013	14.277	8.500	-	-	-	-	-	-	8.500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Trung tâm xúc tiến thương mại	
2	Trụ sở Trung tâm phát triển quỹ đất	1726/QĐ-UBND 13/11/2014	4.440	2.240	-	-	-	-	-	-	2.240	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Trung tâm phát triển quỹ đất	
3	Trụ sở Đảng ủy khối doanh nghiệp	218/QĐ-UBND ngày 5/2/2013	11.557	2.400	-	-	-	-	-	-	2.400	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Đảng ủy khối doanh nghiệp	
4	Nhà làm việc khối đoàn thể huyện Hòa Quan	976/QĐ-UBND 8/04/2011	12.861	5.780	-	-	-	-	-	-	5.780	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	UBND huyện Hòa Quan	
XI	Quản lý Nhà nước		10.549	5.500	-	-	-	-	-	-	5.500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Bộ chỉ huy QS tỉnh	
1	Đoanh trại đất KTX (giai đoạn 2)	1649/QĐ-UBND ngày 09/2013	10.549	5.500	-	-	-	-	-	-	5.500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Bộ chỉ huy QS tỉnh	
XII	Đầu tư phát triển kinh tế xã hội huyện Hòa Quan Việt Nam - Campuchia (theo QĐ 160/2007/QĐ-TTg, ngày 17/10/2007)			37.500		37.500																									UBND các huyện, thị xã	
XIII	Chương trình hỗ trợ đồng bào DTTS theo Quyết định số 753/QĐ-TTg và Chương trình phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS giai đoạn 2019-2020			46.700		46.700																									UBND các huyện, thị xã	
XIV	Thành lập các công trình đã quyết toán			20.000							20.000																					
D	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI		5.500.539	4.134.250		306.550		1.485.000		1.566.140		520.000		83.560		173.000		4.474.750		688.350		1.921.500		1.697.840		83.560		83.000				
I	Nhà ở công dự án P.PP		121.000	121.000		-		121.000		-		-		-		-		-		-		-		-		-		-	-	-		
1	GPMB đường Đàng Phố-Bình Dương (phần diện tích ngoài khuôn long 70 m)		121.000	121.000		-		121.000		-		-		-		-		-		-		-		-		-		-	-	-		Ông lý giao su Bình Phước
II	Bắt công các dự án ODA		111.589	41.000		-		-		41.000		-		-		-		-		-		15.900		35.600		-		-	-	-		Sở KH&ĐT
1	Dự án Hồ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Bình Phước	2016/QĐ-UBND ngày 27/07/2016	25.000	25.000		-		-		25.000		-		-		-		-		-		-		25.000		-		-	-	-		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
2	Dự án xây dựng cầu dân sinh trên địa bàn tỉnh	622/QĐ-BCTVT ngày 02/03/2016	5.400	5.400		-		-		5.400		-		-		-		-		-		-		5.400		-		-	-	-		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư đầu tiên		Kế hoạch vốn trong hạn 2016-2020 (theo Nghị quyết số 19 của HĐND tỉnh)										Kế hoạch đầu tư chính						Chủ đầu tư	
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	TỔNG SỐ	Trong đó					TỔNG SỐ	Trong đó										
					Vốn của địa phương, theo các chỉ định nước	Tiền thu từ dự án đất	Xã số tiền thuê	Vay liên cấp tỉnh, huyện, CNTT	Vay từ năm 2015 chuyển sang		Hỗ trợ của TP Hồ Chí Minh, Bình Dương và doanh nghiệp	Vốn của địa phương, theo các chỉ định nước	Tiền từ dự án đất	Xã số tiền thuê	Vay từ năm 2015 chuyển sang	Tiền thuê đất	Hỗ trợ của TP Hồ Chí Minh và doanh nghiệp				
3	Các dự án hệ thống xử lý nước thải bệnh viện trên địa bàn tỉnh	1912, 1913, 1914, 1915/QĐ-UBND ngày 31/8/2015	5.300	5.300			5.300					5.300								Sở Y tế	
4	Thủ tục cấp giấy điện thoại từ lưới điện Quốc gia tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2018-2020 - Vốn ODA do EU hỗ trợ (đối tượng NS sinh)	2099/QĐ-UBND ngày 05/9/2018	70.589	70.589								70.589									Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
5	Dự án phát triển giáo dục Trung học phổ thông giai đoạn 2	1953, 1954, 1958, 1959/QĐ-UBND ngày 17/9/2014	5.300	5.300			5.300					5.300									Sở GDĐT
III	Nâng cấp hệ thống cấp nước		249.308	363.450	48.550	84.909	220.000			10.000		719.450	33.300	423.550	252.700	10.000					
1	Hệ thống cấp nước sinh hoạt/một/ánh cả xã (trừ xã Măng)		201.000	201.000			191.000			10.000		551.000	20.000	297.300	223.700	10.000					Sở GDĐT
2	Thông rừng thay thế cho diện tích rừng đã chuyển mục đích sử dụng sang mục đích dự án BODC cho công ty TNHH Thuận Bình Phước	2749/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	22.800	11.400		11.400						11.400		11.400							Hạt kiểm lâm Bù Đốp
3	Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Bình Phước	2217/QĐ-UBND ngày 28/10/2016, 1448/QĐ-UBND ngày 13/6/2017	25.508	18.000		18.000						18.000		18.000							Chi cục kiểm lâm
4	Hỗ trợ cho các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, rừng (theo Nghị định 21/02/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ)			13.200	13.200							13.200	13.200								Giao Sở NN&PTNT tham mưu UBND tỉnh phân bổ chi tiết
5	Bổ sung vốn điều lệ của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã (theo QĐ 23/2017/QĐ-TTg ngày 22/6/2017 của Thủ tướng CP)		6.000	6.000								6.000	6.000								Hội minh Hợp tác xã
6	GMIB (Quản lý cơ sở dữ liệu cho Tập đoàn công nghệ)		73.500	119.850	35.350	73.500	11.000					119.850		108.850	11.000						Ban QLKKT
IV	Thủy Lợi		51.700	47.900				47.900				9.000		9.000							
1	Mạng thoát nước cấp 7 xã Minh Hưng (gồm thị trấn và KCN Minh Hưng) Chơn Thành	3172/QĐ-UBND ngày 6/12/2017	10.000	9.000				9.000				9.000		9.000							Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
2	Khai thác nước từ xã Thanh Bình đến xã Phước An, huyện Hòa Quan	2396/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	30.000	27.200				27.200				27.200		27.200							UBND Huyện Hòa Quan
3	Ka và nạo vét lòng suối Đak Vía đoạn qua thị trấn Đức Phong huyện Bù Đốp	2923/QĐ-UBND ngày 14/11/2016	7.200	7.200				7.200				7.200		7.200							UBND huyện Bù Đốp
4	Hệ thống cấp nước tập trung xã Nghĩa Bình huyện Bù Đốp	2923/QĐ-UBND ngày 14/11/2016	4.500	4.500				4.500				4.500		4.500							UBND huyện Bù Đốp
V	Cơ sở an ninh		264.162	266.500		213.800	40.000			12.700		257.200	14.500	175.200	55.000	12.700					

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (theo Nghị quyết số 29 của HĐND tỉnh)						Kế hoạch điều chỉnh						Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	TỔNG SỐ	Trong đó					TỔNG SỐ	Trong đó					
					Vốn cân đối theo ưu chi, định mức	Tiền thu sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Vay liên cơ bản kinh mương, GTNT	Vượt thu 2015 chuyển sang		Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh, Bình Dương và doanh nghiệp	Vốn cân đối theo ưu chi, định mức	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Vượt thu 2015 chuyển sang	
1	Đường điện vào nhà máy xi măng Minh Tâm, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước	1086/QĐ-UBND ngày 12/5/2016	1.741	1.700					1.700	1.700				1.700		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
2	Sửa chữa đường trục chính khu công nghiệp Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước	1394/QĐ-UBND ngày 16/6/2016	11.305	11.000					11.000	11.000				11.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
3	Hệ thống thoát nước ngoài hàng rào KCN Becamex Bình Phước	1944/QĐ-UBND ngày 08/8/2017	48.978	37.600		37.600				44.000		44.000				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
4	Xây dựng các tuyến đường số 2, 3, 4, 5, 7 và nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Đồng Xoài I (hạng mục: Nhà máy xử lý nước thải)	2014a/QĐ-UBND ngày 16/8/2017	32.307	32.400		32.400				32.400		32.400				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
5	Nội đài hệ lưu mương thoát nước ngoài hàng rào KCN Minh Hưng-Hà Nội Quốc	2351/QĐ-UBND ngày 28/10/2015	9.831	8.800		8.800				8.800		8.800				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
6	Đường trục chính từ QL 13 vào khu công nghiệp Tân Khai II huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước	2779/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	40.000	40.000		40.000				40.000		40.000				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
7	Các tuyến đường số 2, 3, 4, 5 và 7 KCN Đồng Xoài I	377/HĐND ngày 1/12/2017	80.000	80.000		80.000				80.000		80.000				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
8	Mương thoát nước ngoài hàng rào KCN Minh Hưng Sikiko	3132/QĐ-UBND ngày 1/12/2017	15.000	20.000		20.000				15.000		15.000				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
9	Mương thoát nước ngoài hàng rào Khu CN Tân Khai II	3133/QĐ-UBND ngày 1/12/2017	15.000	25.000		25.000				14.900	14.900					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
10	Mương thoát nước ngoài hàng rào Khu CN Đồng Xoài III	2569a/QĐ-UBND ngày 16/10/2017	10.000	10.000		10.000				10.000		10.000				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
VI	Giao Thông-hạ tầng đô thị		2.858.866	1.826.290	238.000	801.000	274.330	472.180	40.860	-	1.838.490	530.750	1.046.050	220.830	40.860	-
1	Vốn góp dự án xây dựng cầu Sài Gòn nối hai tỉnh Bình Phước và Tây Ninh	Dự án do tỉnh Tây Ninh phê duyệt	16.000	16.000	3.000		13.000			16.000	3.000		13.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
2	Đường số 7 (đoạn còn lại) và một số tuyến khác thuộc khu dân cư phía Bắc tỉnh lỵ, phường Tân Phú, thị xã Đồng Xoài	2781/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	34.353	30.000			30.000			30.000		30.000				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (theo Nghị quyết số 29 của HĐND tỉnh)						Kế hoạch điều chỉnh						Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	TỔNG SỐ	Trong đó					TỔNG SỐ	Trong đó					
					Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	Tiền thu từ dụng đất	Xã số kiến thiết	Vay liên cơ bản lãnh mượn, GTNT	Vượt thu 2015 chuyển sang		Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh, Bình Dương và doanh nghiệp	Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	Tiền từ dụng đất	Xã số kiến thiết	Vượt thu 2015 chuyển sang	
3	Đường D10 thuộc khu dân cư Phú Thịnh, phường Tân Phú, thị xã Đồng Xoài	2654/QĐ-UBND ngày 25/10/2016	1.428	1.500			1.500			1.500			1.500			Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
4	Đường Bùi Thị Xuân thuộc khu dân cư Phú Thịnh, P. Tân Phú, TX Đồng Xoài	2693/QĐ-UBND ngày 26/10/2016	988	1.000			1.000			1.000			1.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
5	Via hồ đường Quốc lộ 14 (đoạn từ đường Phan Bội Châu đến đường Nguyễn Huệ) thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước	2443a/QĐ-UBND ngày 23/9/2016	14.870	14.000	14.000					14.000	14.000					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
6	Đường từ TTHC huyện Đồng Phú đến KCN Bắc Đồng Phú	2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016	14.730	10.000	10.000					10.000	10.000					UBND huyện Đồng Phú
7	Đường liên xã Bù Nho-Long Tân, huyện Phú Riềng	2678/QĐ-UBND ngày 26/10/2015	14.406	14.000			9.000		5.000	14.000			9.000	5.000		UBND huyện Phú Riềng
8	Đường liên xã Thuận Lợi-Thuận Phú, huyện Đồng Phú	2225/QĐ-UBND ngày 26/8/2016	28.483	25.000			15.000		10.000	25.000			15.000	10.000		UBND huyện Đồng Phú
9	Đường liên xã Minh Thành đi An Long, huyện Chơn Thành	2174/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	25.000	25.000					20.000	24.000		19.000		5.000		UBND huyện Chơn Thành
10	Đường giao thông liên xã Lộc Hưng - Lộc Thái huyện Lộc Ninh	709/QĐ-UBND ngày 28/03/2016	9.013	9.000			4.000		5.000	9.000			4.000	5.000		UBND huyện Lộc Ninh
11	Nâng cấp đường giao thông vào nhà máy xi măng Minh Tâm, huyện Hớn Quản	2769/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	30.000	28.000			22.140		5.860	28.000			22.140	5.860		UBND huyện Hớn Quản
12	Đường từ Quốc lộ 13 vào Trường Cao đẳng nghề Bình Phước	2651/QĐ-UBND ngày 25/10/2016; 442/QĐ-SGTVT ngày	5.996	5.390			5.390			9.890			9.890			Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
13	Nâng cấp đường Minh Hưng-Minh Thạnh huyện Chơn Thành	2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016	30.000	22.500			22.500			-						UBND huyện Chơn Thành
14	Nâng cấp tuyến đường cứu hộ, cứu nạn Sao Bông - Đàng Hà	2301/QĐ-UBND ngày 19/09/2017	65.072	30.000		30.000				30.000			30.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
15	Đường giao thông từ Tả Nốt đi Hoa Lư huyện Lộc Ninh.	2372/QĐ-UBND ngày 29/10/2015	55.200	49.500					49.500	-						UBND huyện Lộc Ninh
16	Cầu Bù Dinh xã Thanh An, huyện Hớn Quản	2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016	9.900	9.000					9.000	-						UBND huyện Hớn Quản
17	Đường vào ấp Bung Sê (đoạn từ QL 14 đến cầu Thuận Phú) thị xã Đồng Xoài.	2400/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	9.000	8.100					8.100	8.100			8.100			UBND TP Đồng Xoài
18	Đường từ ĐT 741 đến đội 6, Bù Gia Phú, xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập	4731/QĐ-UBND, ngày 21/12/2015	11.272	10.800					10.800	10.800			10.800			UBND huyện Bù Gia Mập
19	Đường giao thông từ ngã ba Cây Cậy áp Sóc Bè đi Sóc Bung, xã Thanh Phú, Bình Long	2397/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	7.700	6.900					6.900	6.900			6.900			UBND TX Bình Long

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (theo Nghị quyết số 29 của HĐND tỉnh)							Kế hoạch điều chỉnh						Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	TỔNG SỐ	Trong đó					TỔNG SỐ	Trong đó						
					Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	Tiền thu sử dụng đất	Xã số kiểm thiết	Vay tiền có hóa lệnh mượn, GINT	Vượt thu 2015 chuyển sang		Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh, Bình Dương và doanh nghiệp	Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	Tiền sử dụng đất	Xã số kiểm thiết	Vượt thu 2015 chuyển sang	Tiền thuê đất	
20	Đường từ xã An Khương - Trà Thanh-Thành An huyện Hớn Quản	2485/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	20.000	3.900			3.900				18.000		18.000				UBND huyện Hớn Quản
21	Đường Thôn 1 xã Thiện Hưng đi xã Thanh Hòa huyện Bù Đốp	2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016	10.395	9.000			9.000				-						UBND huyện Bù Đốp
22	Đường Đồng Tâm - Thuận Phú	2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016	36.641	36.000			36.000				-						UBND huyện Đồng Phú
23	Đường giao thông liên xã Long Hà đi Long Bình huyện Phú Riềng	2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016	10.800	10.800			10.800				10.000		10.000				UBND huyện Phú Riềng
24	Đường liên xã Tân Quan - Nha Bích, huyện Hớn Quản	2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016	9.900	9.000			9.000				9.000		9.000				UBND huyện Hớn Quản
25	Đường giao thông từ ĐT 751 đi xã Minh Long huyện Chơn Thành	2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016	39.600	36.000			36.000				-						Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
26	Đường vào Thúc Dúng, xã Đoàn kết, huyện Bù Đốp	2316/QĐ-UBND ngày 27/10/2015	13.500	12.000			12.000				12.000		12.000				UBND huyện Bù Đốp
27	Đường Trung tâm huyện đi xã Tân Lợi huyện Đồng Phú	2399/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	24.000	21.600			21.600				-						UBND huyện Đồng Phú
28	Cầu bắc qua Sông Bé trên ĐT 760 nối dài	2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016	27.000	27.000			27.000				23.250		23.250				UBND huyện Bù Gia Mập
29	Đường GTNT xã Tân Phước-Đồng Tiến-Đồng Tâm	2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016	39.639	36.000			36.000				-						Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
30	Đường GTNT Bom Bo-Đak Nhau	2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016	45.068	45.000		45.000					45.000		45.000				UBND huyện Bù Đốp
31	Đường GTNT QL14 đi Lam Sơn	2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016	49.500	45.000			45.000				-						Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
32	Đường GTNT từ ĐT759 đi Đồng Tháp	2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016	19.800	18.000			18.000				-						Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
33	Đường Lộc Khánh-Lộc Hiệp	2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016	44.550	40.500			40.500				-						Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
34	Đường GTNT Long Hưng - Phước Bình	2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016	39.600	36.000			36.000				-						Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
35	Nâng cấp đường Lộc Tấn -Bù Đốp (ĐT 759B) đoạn từ Km 8+000 đến Km 10+500 huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	2748/QĐ-UBND, ngày 28/10/2016	72.949	72.000	72.000						53.000		53.000				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
36	Dự án nâng cấp, mở rộng đường ĐT 752 (đoạn thị xã Bình Long đi trường chuyên Bình Long)	295/HĐND-KT ngày 02/10/2017	91.000	72.000		72.000					72.000		72.000				UBND TX Bình Long
37	Đường ĐT 759B đoạn từ bến xe mới đi xã Thiện Hưng huyện Bù Đốp (3km)	223/HĐND-KT ngày 25/7/2017	66.000	60.000		60.000					60.000		60.000				UBND huyện Bù Đốp
38	Cầu Long Tân đi Phú Riềng huyện Phú Riềng	3014/QĐ-UBND ngày 17/11/2017	12.253	11.000	6.000	5.000					11.000	6.000	5.000				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (theo Nghị quyết số 29 của HĐND tỉnh)							Kế hoạch điều chỉnh						Chủ đầu tư	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tăng mức đầu tư	TỔNG SỐ	Trong đó					TỔNG SỐ	Trong đó							
					Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	Tiền thu sử dụng đất	Xã số kiến thiết	Vay liên cổ hóa kênh thương, GTNT	Vượt thu 2015 chuyển sang		Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh, Bình Dương và doanh nghiệp	Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	Tiền sử dụng đất	Xã số kiến thiết	Vượt thu 2015 chuyển sang	Tiền thuế đất		Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh và doanh nghiệp
39	Đường D6 Trung tâm hành chính huyện Phú Riềng	1389/QĐ-UBND ngày 26/8/2016	13.280	12.300			7.300			5.000		12.300			7.300	5.000		UBND huyện Phú Riềng
40	Làng nhựa đường ALT1 từ đường Ngô Quyền đến cầu cây Sung thị xã Bình Long	3385/QĐ-UBND ngày 27/10/2016	8.573	8.000			8.000					8.000			8.000			UBND thị xã Bình Long
41	Làng nhựa đường từ ngã 3 Phước Lộc đi bến đò xã Phước Tín, TX Phước Long	2296/QĐ-UBND ngày 02/10/2018	11.944	4.500				4.500				11.750		11.750				UBND thị xã Phước Long
42	Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa	303/HĐND-KT ngày 11/10/2017	320.790	235.000								123.800		123.800				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
43	Đường từ Bù Nho đi Phước Tân, huyện Phú Riềng	366/HĐND-KT ngày 27/11/2017; 2450/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	94.981	80.000	80.000							80.000	80.000					UBND huyện Phú Riềng
44	Đường vào khu nhà ở xã hội xã Tiến Hưng TX Đồng Xoài	3142/QĐ-UBND ngày 4/12/2017	15.000	15.000	15.000							15.000	15.000					UBND TP Đồng Xoài
45	Kè và hệ thống đường, điện chiếu sáng hai bên suối Đồng Tiên và suối Tâm Vồng	365/HĐND-KT ngày 27/11/2017	150.000	150.000	38.000			112.000				150.000	107.300	42.700				UBND TP Đồng Xoài
46	Hỗ trợ đầu tư đường tuần tra biên giới Chử Rừu - Tà Nốt và đường từ QL 13 vào nhà văn hóa huyện Lộc Ninh		4.000	4.000			4.000					4.000	4.000					UBND huyện Lộc Ninh
47	Hỗ trợ đầu tư xây dựng các tuyến đường khu Trung tâm hành chính huyện Phú Riềng		50.000	50.000			50.000					50.000	50.000					UBND huyện Phú Riềng
48	Bổ sung cho huyện Bù Đốp xây dựng các công trình giao thông		5.000	5.000						5.000		5.000			5.000			UBND huyện Bù Đốp
49	Đường tránh nội ô thị xã Đồng Xoài kết nối ĐT741 với QL14 (vốn NSDP đối ứng)	1593/QĐ-UBND ngày 28/6/2017	109.921									18.020		18.020				UBND TP Đồng Xoài
50	Dự án BT hoàn thiện các tuyến đường khu phố Phú Thanh, P. Tân Phú, TX Đồng Xoài	Quyết định số 1766/QĐ-UBND ngày 31/7/2018	27.130									27.130		27.130				Cty Cp bất động sản Thành Phương
51	Đường ĐT.760 nối dài từ xã Phú Nghĩa đi xã Phước Minh - Đa Kìa huyện Bù Gia Mập	104/HĐND-KT ngày 12/6/2018	98.000									84.600	84.600					UBND huyện Bù Gia Mập
52	Dự án nâng cấp mở rộng đường ĐT 759B đoạn trung tâm xã Thiện Hưng đi trung tâm xã Phước Thiện, huyện Bù Đốp	188/HĐND-KT ngày 04/9/2018	72.163									60.300	60.300					UBND huyện Bù Gia Mập
53	Dự án xây dựng kỹ túc xã Trường chinh trị tỉnh	258/HĐND-KT ngày 25/10/2018	120.000									60.750		15.750	45.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (theo Nghị quyết số 29 của HĐND tỉnh)							Kế hoạch điều chỉnh						Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	TỔNG SỐ	Trong đó					TỔNG SỐ	Trong đó						
					Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	Tiền thu sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Vay tiền cổ hóa kinh doanh, GTNT	Vượt thu 2015 chuyển sang		Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh, Bình Dương và doanh nghiệp	Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Vượt thu 2015 chuyển sang	Tiền thuế đất	
54	Đường và cầu từ ĐT 759 đến trung tâm xã Phước Minh huyện Bù Gia Mập	2501/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	15.000							13.500	13.500						UBND huyện Bù Gia Mập
55	Đường Trần Hưng Đạo nối dài (đoạn từ đường Trần Phú đến đường Hai Bà Trưng) Phường Tân Phú, TX Đồng Xoài	2468/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	13.823							13.800	13.800						UBND TP Đồng Xoài
56	Xây dựng đường nối từ khu nhà ở xã hội Tiến Hưng đến Khu công nghiệp Đồng Xoài III, thị xã Đồng Xoài:	2473/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	34.100							27.000	27.000						UBND TP Đồng Xoài
57	Nâng cấp láng nhựa tuyến đường từ trung tâm xã đi 03 ấp Phước Tiến, Nam Độ đến Ngã ba ấp Säck Xi, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú	2491/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	23.940							21.500		21.500					UBND huyện Đồng Phú
58	Xây dựng vỉa hè, cây xanh và hệ thống thoát nước thải đường Nguyễn Huệ, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước	2480a/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	23.489							20.000	20.000						UBND TP Đồng Xoài
59	Thi công đầu nối hạ tầng Khu dân cư Phú Thịnh (giai đoạn 1) phường Tân Phú, thị xã Đồng Xoài với đường Hồ Xuân Hương	2350/QĐ-UBND ngày 11/10/2018	4.620							4.600		4.600					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
60	Hỗ trợ cho thị xã Đồng Xoài GPMB công trình xây dựng kè và nạo vét hồ Suối Cam		192.522							130.000		130.000					UBND TP Đồng Xoài
61	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Phú Thịnh, phường Tân Phú, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (giai đoạn 1)	2037/QĐ-UBND ngày 18/9/2015	49.984	46.000						46.000			46.000				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
62	Đường tránh QL 13 đoạn qua thị trấn Lộc Ninh huyện Lộc Ninh	256/HĐND-KT ngày 23/10/2018	245.000	200.000						200.000		200.000					UBND huyện Lộc Ninh
63	Hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông nội ô thị xã Đồng Xoài		100.000	100.000						100.000		100.000					UBND TP Đồng Xoài
VII	Y tế		189.310	189.310						194.810		5.500	189.310				
1	Nâng cấp bệnh viện đa khoa tỉnh từ 300 giường lên 600 giường bệnh (đối ứng NSTW)	2466a/QĐ-UBND ngày 29/9/2017	700.000	25.910						25.910			25.910				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
2	Nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Đồng Phú từ 50 giường lên 80 giường	2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016	25.200	22.500						22.500			22.500				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
3	Nâng cấp bệnh viện huyện Chơn Thành từ 70 giường lên 100 giường	2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016	25.200	22.500						22.500			22.500				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (theo Nghị quyết số 29 của HĐND tỉnh)							Kế hoạch điều chỉnh						Chủ đầu tư
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	TỔNG SỐ	Trung đó					TỔNG SỐ	Trung đó						
					Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	Tiền thu từ dự án đất	Xã số kiến thiết	Vay liên cá hóa lệnh mượn, GTNT	Vượt thu 2015 chuyển sang		Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh, Bình Dương và doanh nghiệp	Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	Tiền từ dự án đất	Xã số kiến thiết	Vượt thu 2015 chuyển sang	Tiền thuê đất	
4	Mua sắm, lắp đặt trang bị máy phát điện dự phòng công suất 313KVA Bệnh viện đa khoa tỉnh	1580/QĐ-UBND ngày 28/6/2017	1.491	1.400			1.400				1.400						Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
5	Kỹ túc xã học sinh, nhà tập thể thao và hạ tầng kỹ thuật Trường Trung cấp y tế	2752/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	27.999	25.000			25.000				25.000						Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
6	Nhà làm việc các khoa và bộ môn khối thực hành và thư viện Trường Trung cấp y tế	2753/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	27.980	25.000			25.000				25.000						Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
7	Xây dựng khu điều dưỡng và phục hồi chức năng của Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ Tỉnh ủy	2489/QĐ-UBND ngày 30/10/2018								5.500		5.500					Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ Tỉnh ủy
8	Trung tâm y tế huyện Phú Riềng	2719/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	75.000	67.000			67.000				67.000						Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
VIII Giáo dục -Đào tạo			832.925	688.800	-	13.000	502.800	-	-	173.000	739.200	-	3.000	653.200	-	83.000	
1	Trường mẫu giáo Lộc Hiệp, huyện Lộc Ninh	2735/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	20.000	18.000			18.000				18.000						UBND huyện Lộc Ninh
2	Trường mẫu giáo Đức Liễu, huyện Bù Đăng	2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016	20.000	20.000			20.000				20.000						UBND huyện Bù Đăng
3	Trường mẫu giáo Phước Tín TX. Phước Long	2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016	22.000	20.000			20.000				20.000						UBND TX Phước Long
4	Trường mầm non thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành	2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016	20.000	20.000			20.000				20.000						UBND huyện Chơn Thành
5	Trường mầm non Hòa Mĩ, thị xã Đồng Xoài (giai đoạn 2)	2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016	20.000	20.000			20.000				20.000						UBND TP Đồng Xoài
6	Trường mầm non Tân Phước, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú	2637/QĐ-UBND ngày 24/10/2016	20.000	18.000			18.000				18.000						UBND huyện Đồng Phú
7	Trường Mầm non xã Bù Nho, huyện Phú Riềng	2742/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	21.729	19.300			19.300				19.300						UBND huyện Phú Riềng
8	Trường mẫu giáo Thanh Lương TX. Bình Long	2780/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	19.978	18.000			18.000				18.000						UBND TX Bình Long
9	Trường mẫu giáo Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập	2765/QĐ-UBND ngày 30/10/2016	19.995	18.000		3.000	12.000			3.000	18.000		3.000	12.000		3.000	UBND huyện Bù Gia Mập
10	Trường mẫu giáo Tân Tiến huyện Bù Đốp	2777/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	18.000	18.000			18.000				18.000						UBND huyện Bù Đốp
11	Trường tiểu học Trương Định huyện Bù Gia Mập	3128/QĐ-UBND ngày 1/12/2017	24.000	21.500			21.500				21.500						UBND huyện Bù Gia Mập
12	Trường tiểu học Bình Thắng B huyện Bù Gia Mập	2651/QĐ-SXD ngày 29/10/2018	5.473	4.500			4.500				4.500						UBND huyện Bù Gia Mập

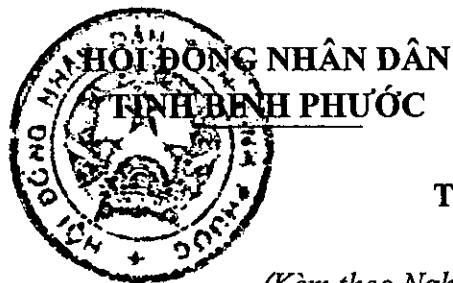
STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (theo Nghị quyết số 29 của HĐND tỉnh)							Kế hoạch điều chỉnh						Chủ đầu tư	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	TỔNG SỐ	Trong đó						TỔNG SỐ	Trong đó						
					Vốn cam đối theo tiêu chí định mức	Tiền thu sử dụng đất	Xã số kiến thiết	Vay kiến cơ bản kinh doanh, GINT	Vượt thu 2015 chuyển sang	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh, Bình Dương và doanh nghiệp		Vốn cam đối theo tiêu chí, định mức	Tiền sử dụng đất	Xã số kiến thiết	Vượt thu 2015 chuyển sang	Tiền thuê đất		Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh và doanh nghiệp
13	Trường tiểu học Thanh Bình, huyện Hớn Quản	511/QĐ-UBND ngày 24/3/2016	15.000	13.500			13.500				6.500			6.500				UBND huyện Hớn Quản
14	Trường tiểu học Tân Khai A huyện Hớn Quản	2713/QĐ-UBND ngày 27/10/2016	25.200	25.200			25.200				25.200			25.200				UBND huyện Hớn Quản
15	Trường Tiểu học Thiện Hưng C, huyện Bù Đốp	1965/QĐ-UBND ngày 11/8/2017	14.998	13.500			13.500				13.500			13.500				UBND huyện Bù Đốp
16	Trường THCS Đắc Cơ huyện Bù Gia Mập	2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016	5.200	4.500			4.500				4.500			4.500				UBND huyện Bù Gia Mập
17	Trường THCS Phú Nghĩa huyện Bù Gia Mập	2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016	10.000	9.000			9.000				9.000			9.000				UBND huyện Bù Gia Mập
18	Trường cấp 2,3 Minh Hưng huyện Chơn Thành	2767/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	49.997	43.000			43.000				43.000			43.000				UBND huyện Chơn Thành
19	Trường THPT Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh	2709/QĐ-UBND ngày 27/10/2016	59.925	54.000			54.000				54.000			54.000				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
20	Mua sắm thiết bị phòng học phòng bộ môn một số trường học trên địa bàn tỉnh	1222/QĐ-UBND ngày 11/6/2014	11.252	9.900			9.900				9.900			9.900				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
21	Mở rộng Ký túc xá cho học sinh PTDTNT tỉnh	2402/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	7.944	5.400			5.400				5.400			5.400				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
22	Thiết bị thí nghiệm Lý, Hóa Sinh cho các trường THPT toàn tỉnh	2727/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	10.000	9.000			9.000				9.000			9.000				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
23	Trường THPT Thanh hòa huyện Bù Đốp	2708/QĐ-UBND ngày 27/10/2016	44.991	40.400			40.400				40.400			40.400				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
24	Thiết bị thí nghiệm Trường Trung cấp y tế	326/QĐ-UBND ngày 15/02/2016	14.635	13.200			13.200				13.200			13.200				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
25	Thiết bị thí nghiệm trường chuyên Bình Long	2147/QĐ-UBND ngày 05/10/2015	3.298	3.000			3.000				3.000			3.000				UBND TX Bình Long
26	Nâng cấp, sửa chữa nhà hiệu bộ, khu giảng đường và xây mới cơ sở mầm non thực hành và hội trường Trường CĐSP tỉnh	2140/QĐ-UBND ngày 30/8/2017	15.000	13.500			13.500				13.500			13.500				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
27	Nhà tập đa năng Trường THPT chuyên Quang Trung	2688/QĐ-UBND ngày 26/10/2016	6.500	5.800			5.800				5.800			5.800				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh

STT	Đanh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (theo Nghị quyết số 29 của HĐND tỉnh)						Kế hoạch điều chỉnh						Chủ đầu tư		
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	TỔNG SỐ	Trong đó						TỔNG SỐ	Trong đó						
					Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	Tiền thu sử dụng đất	Xả số kiến thiết	Vay liên cơ bản kinh doanh, GTNT	Vượt thu 2015 chuyển sang	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh, Bình Dương và doanh nghiệp		Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	Tiền sử dụng đất	Xả số kiến thiết	Vượt thu 2015 chuyển sang		Tiền thuế đất	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh và doanh nghiệp
28	Hồ bơi, Sân bóng đá mini Trường THPT chuyên Quang Trung	2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016	9.000	9.000			9.000				9.000			9.000				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
29	Hồ bơi Trường THPT chuyên Bình Long, thị xã Bình Long	2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016	9.900	9.000			9.000				9.000			9.000				UBND TX Bình Long
30	Trường tiểu học xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú	2556/QĐ-UBND ngày 10/10/2016	14.046	12.600			12.600				12.600			12.600				UBND huyện Đồng Phú
31	Trường THPT Đồng Phú, huyện Đồng Phú tỉnh Bình Phước	2636/QĐ-UBND ngày 24/10/2016	100.000	100.000		10.000				90.000	90.000			90.000				UBND huyện Đồng Phú
32	Trường Mầm non Minh Thành, huyện Chơn Thành	Công văn số 245/HĐND-KT ngày 18/10/2018	34.864								31.400			31.400				UBND huyện Chơn Thành
33	Khởi phòng học cấp II tại Trường Tiểu học Bom Bò	2394/QĐ-UBND ngày 18/10/2018	20.000								18.000			18.000				UBND huyện Bù Đăng
34	Trường Mầm non Hoa Hồng, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú	2231/QĐ-UBND ngày 21/9/2018	20.000								18.000			18.000				UBND huyện Đồng Phú
35	Trường THPT Bù Gia Mập, huyện Bù Gia Mập tỉnh Bình Phước	807/QĐ-UBND ngày 10/4/2017	100.000	80.000						80.000	80.000					80.000		UBND huyện Bù Gia Mập
IX	Vấn báo - Xả hội		412.483	317.500	-	129.000	168.500	-	20.000	-	362.500	40.000	129.000	173.500	20.000			
1	Dàn đèn chiếu sáng Sân vận động tỉnh Bình Phước		18.000	-							-							
2	Kê và nạo vét hồ Suối Cam	2054/QĐ-UBND ngày 21/08/2017	105.000	95.000		95.000					95.000			95.000				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
3	Khu di tích lịch sử nhà tù Bà Rịa và tưởng niệm nữ tướng Nguyễn Thị Định	2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016	13.500	13.500			13.500				13.500			13.500				UBND TX Phước Long
4	Trung tâm Văn hóa thể dục thể thao huyện Hớn Quản	2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016	22.000	22.000			22.000				22.000			22.000				UBND huyện Hớn Quản
5	Trung tâm Văn hóa thể dục thể thao huyện Đồng Phú	2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016	25.000	22.000			22.000				22.000			22.000				UBND huyện Đồng Phú
6	Trung tâm Văn hóa thể dục thể thao huyện Chơn Thành	2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016	29.999	22.000			22.000				22.000			22.000				UBND huyện Chơn Thành
7	Trung tâm Văn hóa thể dục thể thao huyện Phú Riềng	2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016	29.000	22.000			22.000				22.000			22.000				UBND huyện Phú Riềng
8	Trung tâm Văn hóa thể dục thể thao huyện Bù Gia Mập	2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016	22.000	22.000			22.000				22.000			22.000				UBND huyện Bù Gia Mập

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (theo Nghị quyết số 29 của HĐND tỉnh)							Kế hoạch điều chỉnh						Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	TỔNG SỐ	Trong đó					TỔNG SỐ	Trong đó						
					Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	Tiền thu sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Vay liên cơ bản kinh doanh, GTNT	Vượt thu 2015 chuyển sang		Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh, Bình Dương và doanh nghiệp	Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Vượt thu 2015 chuyển sang	Tiền thuế đất	
9	Hệ thống hạ tầng, sân vườn, đường nội bộ và hệ thống điện, nước thuộc khu di tích lịch sử và khu du lịch sinh thái Bộ chỉ huy miền Tả Thiết (B2)	2531/QĐ-UBND ngày 7/10/2016	15.000	15.000					15.000	15.000					15.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
10	Trung tâm phát xạ BTV Đài phát thanh truyền hình Bình Phước	1861/QĐ-UBND ngày 06/7/2016	5.000	5.000					5.000	5.000					5.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
11	Kinh phí đi dõ và GPMB vùng lõi khu di tích Bộ chỉ huy miền Tả Thiết		20.000	20.000		20.000				20.000		20.000					UBND huyện Lộc Ninh
12	Xây dựng hàng rào Khu căn cứ Bộ chỉ huy miền Tả Thiết (giai đoạn 2)	1526/QĐ-UBND ngày 29/6/2018	14.999							14.200	9.200		5.000				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
13	Xây dựng đường giao thông và công viên Khu di tích lịch sử Căn cứ Bộ Chỉ huy miền Tả Thiết	1688/QĐ-UBND ngày 24/7/2018	8.396							8.200	8.200						Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
14	Trần xá lủ kết hợp cầu giao thông nội bộ và công xá bùn cát tại Di tích căn cứ Bộ Chỉ huy quân giải phóng miền Nam Việt Nam 1972-1975	1762/QĐ-UBND ngày 31/7/2018	4.880							4.800	4.800						Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
15	Xây dựng hàng rào hai bên đường từ ngã ba Đồng Tâm đến cây xăng Ngọc Ánh	2195/QĐ-UBND ngày 18/9/2018	19.856							17.800	17.800						Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
16	Bãi đậu xe, sân vườn và đường nội bộ khu di tích lịch sử Bộ Chỉ huy miền Tả Thiết	2888a/QĐ-UBND ngày 22/12/2015	14.853	14.000		14.000				14.000		14.000					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
17	Hàng rào Khu căn cứ Bộ Chỉ huy miền Tả Thiết	2728/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	45.000	45.000			45.000			45.000			45.000				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
X	Khoa học - công nghệ		76.140	68.500			68.500			51.500			51.500				
1	Trại thực nghiệm khoa học và công nghệ	2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016	19.800	18.000			18.000			18.000			18.000				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
2	Nhà trưng bày và phòng chức năng tại vườn sưu tập thực vật tỉnh Bình Phước	2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016	12.600	11.500			11.500			11.500			11.500				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
3	Đầu tư thiết bị phục vụ công tác đo lường và thử nghiệm cho Trung tâm Kỹ thuật đo lường và thử nghiệm	2776/QĐ-UBND ngày 8/12/2015	21.799	19.000			19.000			19.000			19.000				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (theo Nghị quyết số 29 của HĐND tỉnh)							Kế hoạch điều chỉnh						Chức danh tư	
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	TỔNG SỐ	Trong đó					TỔNG SỐ	Trong đó							
					Vốn cam đối theo tiêu chí, định mức	Tiền thu sử dụng đất	Xã số kiến thiết	Vay liên cơ bản kinh doanh, GTNT	Vượt thu 2015 chuyển sang		Hỗ trợ của TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương và doanh nghiệp	Vốn cam đối theo tiêu chí, định mức	Tiền sử dụng đất	Xã số kiến thiết	Vượt thu 2015 chuyển sang	Tiền thuê đất		Hỗ trợ của TP. Hồ Chí Minh và doanh nghiệp
4	Đầu tư trang thiết bị mô hình bảo quản, chế biến nông sản sau thu hoạch	365/QĐ-UBND ngày 18/02/2016	1.994	2.000			2.000				2.000			2.000				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
5	Dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng	2772/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	19.947	18.000			18.000				1.000			1.000				Văn phòng Tỉnh ủy
XI	Quản lý Nhà nước		44.041	30.700	-	7.000	23.700	-	-	-	30.700	-	7.000	23.700	-	-	-	
1	Sửa chữa, cải tạo, mở rộng trụ sở làm việc Sở Ngoại vụ	44/QĐ-UBND ngày 09/01/2017	3.000	3.000			3.000				3.000			3.000				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
2	Tăng cường năng lực kiểm định chất lượng công trình xây dựng tỉnh Bình Phước (Đổi ứng NSTW)	870/QĐ-UBND ngày 28/5/2013; 2089/QĐ-UBND ngày 05/8/2016	15.198	3.600			3.600				3.600			3.600				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
3	Văn phòng Trung tâm khai thác hạ tầng Khu công nghiệp	458/QĐ-UBND ngày 8/3/2016	1.600	1.600			1.600				1.600			1.600				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
4	Trụ sở làm việc trung tâm hỗ trợ thanh niên công nhân tỉnh Bình Phước	2343/QĐ-UBND ngày 28/10/2015	10.247	9.500			9.500				9.500			9.500				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
5	Sửa chữa Trung tâm hành chính công tỉnh Bình Phước	611/QĐ-UBND ngày 22/03/2017	7.000	7.000		7.000					7.000		7.000					Sở Xây dựng
6	Cải tạo, mở rộng trụ sở làm việc Ban tổ chức Tỉnh ủy	959/QĐ-UBND ngày 21/4/2017	3.000	3.000			3.000				3.000			3.000				Ban tổ chức Tỉnh ủy
7	Máy phát điện dùng chung cho Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh	2805/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	3.996	3.000			3.000				3.000			3.000				Văn phòng UBND tỉnh
XII	Quốc phòng - An ninh		297.015	173.300	20.000	115.300	38.000	-	-	-	219.800	70.000	107.300	42.500	-	-	-	
1	Nhà làm việc Sở Chỉ huy A2 Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	725/QĐ-UBND ngày 6/5/2013	11.092	11.000			11.000				11.000			11.000				Bộ chỉ huy QS tỉnh
2	Nhà ở chiến sỹ, nhà ăn, hội trường và hồ bơi Trung đoàn 736 tỉnh Bình Phước	2725/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	48.200	20.000			20.000				20.000			20.000				Bộ chỉ huy QS tỉnh
3	Các công trình khu vực phòng thủ	72/QĐ-BCH ngày 10/04/2017	32.000	20.000	20.000						20.000	20.000						Bộ chỉ huy QS tỉnh
4	Các hạng mục hạ tầng Sở chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	2271/QĐ-UBND ngày 18/9/2017	15.300	15.300		15.300					15.300		15.300					Bộ chỉ huy BĐBP tỉnh
5	Nhà khách và nhà ở công vụ cho cán bộ chiến sĩ Công an tỉnh Bình Phước	2784/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	28.323	7.000			7.000				11.500			11.500				Công an tỉnh
6	Xây dựng Đồn Công an Khu công nghiệp Minh Hưng III, huyện Chơn Thành	1645/QĐ-UBND ngày 16/7/2018	12.500								12.500		12.500					Công an tỉnh

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (theo Nghị quyết số 29 của HĐND tỉnh)						Kế hoạch điều chỉnh						Chủ đầu tư	
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	TỔNG SỐ	Trong đó					TỔNG SỐ	Trong đó						
					Vốn cần đối theo cấu chỉ, định mức	Tiền thu sử dụng đất	Xã số liên thiết	Vay liên cố bóa lãnh nông, GTNT	Vượt thu 2015 chuyển sang		Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh, Bình Dương và doanh nghiệp	Vốn cần đối theo cấu chỉ, định mức	Tiền sử dụng đất	Xã số liên thiết	Vượt thu 2015 chuyển sang		Tiền thuê đất
7	Xây dựng Đồn Công an Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, huyện Đồng Phú	1646/QĐ-UBND ngày 16/7/2018	13.500							13.500		13.500					Công an tỉnh
8	Xây dựng, nâng cấp doanh trại Bệnh xá K23 BCH Quân sự tỉnh	2453a/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	20.100							10.000		10.000					Bộ chỉ huy QS tỉnh
9	Xây dựng, nâng cấp Trường Quân sự Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	2444a/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	15.000							5.000		5.000					Bộ chỉ huy QS tỉnh
10	Kho vật chứng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	2379/QĐ-UBND ngày 17/10/2018	1.000							1.000		1.000					Bộ chỉ huy QS tỉnh
11	Xây dựng trụ sở PCCC&CNCH các huyện	2843/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	100.000	100.000		100.000				100.000	50.000	50.000					Công an tỉnh
E	Vốn lập quy hoạch tỉnh theo quy định của Luật quy hoạch									10.000	10.000						Sở KH&ĐT



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu số 3

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN TRUNG HẠN 2016-2020
CHO CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Nghị quyết số 13 /NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (theo NQ số 29 của HĐND tỉnh)	Kế hoạch điều chỉnh vốn trung hạn 2016-2020	Ghi chú
	Tổng số	587.600	1.837.600	
1	Nguồn ngân sách trung ương	386.600	386.600	
2	Nguồn ngân sách tỉnh	201.000	551.000	Kể cả trả nợ mua xi măng
3	Nguồn ngân sách huyện, thị, thành phố		900.000	Tiền SDD khối huyện, thị, thành phố 3000 tỷ đồng. Trong đó 30% đầu tư xây dựng NTM